

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 212; Điều 213 và khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 213; khoản 1 Điều 275; khoản 1 Điều 288; khoản 1 Điều 351, Điều 401 và Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng 2024.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 06/8/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (viết tắt OCB).

Địa chỉ: Số D, D đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T1 – Giám đốc P1.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Hữu K – Cán bộ Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh T3.

Địa chỉ: Đường P, P. Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Mai Anh M, sinh năm: 1978.

Bà Lê Thị T2, sinh năm: 1979.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Mai Văn N, sinh năm 1964 và bà Luyện Thị H, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền nợ: Theo Hợp đồng tín dụng số 00131/2020/PBD/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 00131/2020/PBD/KUNN cùng ngày 15/6/2020, ông Mai Anh M và bà Lê Thị T2 đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP P, với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); mục đích vay mua sắm vật dụng; thời hạn vay là 120 tháng; lãi suất trong 03 tháng đầu là 12%/năm và từ tháng thứ 04 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Đến ngày 13/7/2021 bà Lê Thị T2 tiếp tục ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân số 1307/2021/BĐ với hạn mức tín dụng là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông M và bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP P nên khoản vay trên đã chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 12/10/2023. Tính đến ngày thỏa thuận 06/8/2024 ông M và bà T2 còn nợ của Ngân hàng TMCP P với tổng số tiền là: 788.025.163 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc quá hạn là: 695.951.065 đồng; tiền lãi trong hạn trên nợ gốc là 88.583.083 đồng và tiền lãi quá hạn trên nợ gốc là 3.491.015 đồng. Nay các bên thống nhất, thỏa thuận ông Mai Anh M và bà Lê Thị T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP P toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trong thời hạn kể từ ngày 06/8/2024 đến ngày 06/3/2025. Cụ thể:

- Kỳ 1: Từ ngày 06/8/2024 đến ngày 06/9/2024, ông M và bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng;
- Kỳ 2: Từ ngày 06/9/2024 đến ngày 06/10/2024, ông M và bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng;
- Kỳ 3: Từ ngày 06/10/2024 đến ngày 06/11/2024, ông M và bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng;
- Kỳ 4: Từ ngày 06/11/2024 đến ngày 06/12/2024, ông M và bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng;
- Kỳ 5: Từ ngày 06/12/2024 đến ngày 06/01/2025, ông M và bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng;
- Kỳ 6: Từ ngày 06/01/2025 đến ngày 06/02/2025, ông M và bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng;
- Kỳ 7: Từ ngày 06/02/2025 đến ngày 06/3/2025, ông M và bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại.

Nếu ông Mai Anh M và bà Lê Thị T2 không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền như đã cam kết một trong các kỳ trả nợ, thì

Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án, để xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, tại thửa đất số 426, tờ bản đồ số 08, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 349713, vào sổ cấp GCN số: CH02859, do **UBND huyện H** cấp ngày 28/10/2015, mang tên ông **Mai Văn N** và bà **Luyện Thị H**, tại **thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**, để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành theo Hợp đồng tín dụng tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

Về án phí dân sự có giá ngạch: Ông **Mai Anh M** và bà **Lê Thị T2** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **19.340.000 đồng**, trả lại số tiền tạm ứng án phí 19.340.000 đồng cho **Ngân hàng TMCP P** theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003271 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Hậu Lộc;
- Chi cục THADS Hậu Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Nghi